

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục gồm 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐCP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp cơ quan quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và ATTP nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 02/TTr-SNNPTNT ngày 02/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Danh mục gồm 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo Quyết định số 4768/QĐ-BNN-CCPT ngày 25/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trên cơ sở phân cấp tại Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp cơ quan quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và ATTP nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai (*Phụ lục I kèm theo*).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết đối với 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được công bố tại Khoản 1 Điều này (*Phụ lục II kèm theo*).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/01/2025.

2. Bãi bỏ các nội dung công bố tại Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục gồm 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thị xã, thành phố và các nội dung công bố, phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tại Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 15/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục gồm 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ; Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện cập nhật, công khai thủ tục hành chính được Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Điều 1 của Quyết định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; niêm yết, công khai khai thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết và hủy công khai thủ tục hành chính bị bãi bỏ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; cập nhật quy trình giải quyết thủ tục hành chính tại phần mềm của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh để áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh.

b. Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thị xã, thành phố theo quy định.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện cập nhật, niêm yết và công khai thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ - Cục KSTTHC;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng CNTT);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN; UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

I. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

| STT | Mã hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện/Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế |
|-----|----------------------------|---|---|---|--------------------------------------|---|
| 01 | 2.001827.00 0.00.00.H21 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm, thủy sản. | 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ <i>(cắt giảm 01 ngày làm việc so với quy định)</i> . | Tổ chức (Doanh nghiệp) nộp hồ sơ qua Bru chính công ích hoặc qua môi trường mạng (https://dichvucong.gialai.gov.vn) hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Địa chỉ: 69 Hùng Vương - Tp. Pleiku - Gia Lai. | Phí thẩm định: 700.000 đồng/cơ sở | Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. |
| | | | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | Tổ chức, cá nhân (Hợp tác xã, Hộ kinh doanh) nộp hồ sơ qua Bru chính công ích hoặc qua môi trường mạng (https://dichvucong.gialai.gov.vn) hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố. | | |

II. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

| STT | Mã hồ sơ TTHC | Tên thủ tục hành chính | Văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính |
|-----|------------------------|--|---|
| 01 | 2.001823.000.00.00.H21 | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 6 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn). | Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. |

PHỤ LỤC II**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)*

| TT | Các bước | Trình tự thực hiện | Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ | Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ | Cơ quan phối hợp (nếu có) | Trình các cấp có thẩm quyền cao hơn (nếu có) | Mô tả quy trình |
|---|----------|--------------------|---|---|---------------------------|--|---|
| 1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản | | | | | | | |
| 1 | Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) tiếp nhận hồ sơ, tạo hồ sơ điện tử tới các đơn vị. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với cơ sở trồng trọt và cơ sở sơ chế gắn với trồng trọt do Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thực hiện; - Đối với các cơ sở: Chăn nuôi, giết mổ, sơ chế, chuyên kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật; nuôi trồng thủy sản; khai thác thủy sản và đánh bắt thủy sản do Chi cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện; - Đối với các cơ sở: Sơ chế, chế biến độc lập; chuyên kinh doanh sản phẩm có nguồn gốc thực vật; chế biến thực phẩm có nguồn gốc động vật; thu mua, sơ chế, chế biến thực phẩm thủy sản; kho lạnh độc lập; chuyên kinh doanh sản phẩm thủy sản; kho lạnh bảo quản nông lâm thủy sản; sản xuất, sơ chế, chế biến muối ăn; sản xuất vật liệu bao gói gắn liền với sản xuất nông lâm thủy sản; nước đá dùng | 0,5 giờ | | | <p>Tổ chức nộp hồ sơ qua Bru chính công ích hoặc qua môi trường mạng (https://dichvucong.gialai.gov.vn) hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).</p> <p>Nhân viên tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì phải hướng dẫn tổ chức bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định và nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối nhận hồ sơ thì phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. - Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ thì tiếp nhận hồ sơ. Quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh |

| TT | Các bước | Trình tự thực hiện | Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ | Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ | Cơ quan phối hợp (nếu có) | Trình các cấp có thẩm quyền cao hơn (nếu có) | Mô tả quy trình |
|----|----------|---|--|---|---------------------------|--|---|
| | | | để bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản do Phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản tham mưu thực hiện. | | | | và chuyển tới các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để giải quyết (Sau khi tiếp nhận sẽ được cấp một mã số hồ sơ được ghi trong Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để tổ chức tra cứu tình trạng giải quyết TTHC). |
| 2 | Bước 2 | Phân công thụ lý hồ sơ | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y (các Chi cục); Lãnh đạo Phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Lãnh đạo phòng chuyên môn của các Chi cục. | 04 giờ | | | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Lãnh đạo các Chi cục phân công cho phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Lãnh đạo phòng chuyên môn của các Chi cục; Lãnh đạo Phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Lãnh đạo phòng chuyên môn của các Chi cục phân công công chức thụ lý hồ sơ. |
| | | Chủ trì kiểm tra, thẩm tra, thẩm định hồ sơ | Phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Phòng chuyên môn của các Chi cục. | 11 ngày 7 giờ | | | Công chức chuyên môn thuộc Phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/ Phòng chuyên môn của các Chi cục đối chiếu quy định hiện hành tham mưu xử lý hồ sơ. |
| 3 | Bước 3 | Kiểm tra thể thức | Lãnh đạo Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Lãnh đạo phòng Hành chính - Tổng hợp các Chi cục | 04 giờ | | | Lãnh đạo Văn phòng Sở/Lãnh đạo phòng Hành chính - Tổng hợp các Chi cục kiểm tra thể thức văn bản, trình Lãnh đạo sở/Lãnh đạo các Chi cục xem xét, ký duyệt. |
| 4 | Bước 4 | Phê duyệt | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Lãnh đạo các Chi cục | 01 ngày | | | Xem xét, ký duyệt văn bản |

| TT | Các bước | Trình tự thực hiện | Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ | Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ | Cơ quan phối hợp (nếu có) | Trình các cấp có thẩm quyền cao hơn (nếu có) | Mô tả quy trình |
|------------------|----------|--------------------|---|--|---------------------------|--|--|
| 5 | Bước 5 | Trả kết quả | Trung tâm Trung tâm Phục vụ hành chính chính công tỉnh (quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). | 0,5 giờ | | | <p>Văn thư Sở/Văn thư các Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ghi số, lưu hồ, số hóa kết quả đính lên hệ thống điện tử. Kết quả gửi Phòng Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản/Phòng chuyên môn thuộc Chi cục, giao quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm Phục vụ hành chính chính công tỉnh.</p> <p>Nhân viên quầy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả kết quả cho tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận: Thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (theo nhu cầu của tổ chức).</p> |
| Tổng cộng | | | | 14 ngày (cắt giảm 01 so với quy định) | | | |